

Việt Nam ghi nhận dòng vốn cao nhất Đông Nam Á

Dòng vốn quỹ ngoại tại Việt Nam

Trong tuần trước, lực cầu từ khối ngoại tiếp tục ghi nhận ở mức cao. Giá trị mua ròng ghi nhận ở mức 2,545 tỷ đồng.

Lực cầu tập trung chủ yếu trên các nhóm ngành chủ đạo như Tài chính, Tiêu dùng thiết yếu, và Nguyên vật liệu. Cụ thể, MBB, STB, VCB, MSN, VNM, và HPG được mua ròng nhiều nhất trong khi VPB, CTG, và VND bị bán ròng. Bên cạnh đó, Công nghiệp cũng thu hút phần lớn hoạt động mua từ khối ngoại, tập trung chủ yếu trên GEX. Ở chiều ngược lại, áp lực bán tiếp tục tập trung chủ yếu trên lĩnh vực Tiêu dùng không thiết yếu khi hoạt động bán gia tăng trên FRT.

Nhận định dòng vốn ETF tại Đông Nam Á

Dòng vốn tích cực tiếp tục duy trì tại Đông Nam Á, ghi nhận ở mức 57 triệu USD, cao nhất trong 2 tháng vừa qua. Cụ thể, dòng vốn tích cực duy trì là do Việt Nam thu hút dòng tiền mạnh trong tuần trước. Bên cạnh đó, Indonesia cũng đóng góp đáng kể cho dòng vốn tại Đông Nam Á khi quốc gia này ghi nhận dòng vốn tích cực ở mức cao nhất từ năm 2019. Tuy nhiên, Singapore tiếp tục ghi nhận dòng vốn tiêu cực.

Dòng vốn vào Việt Nam tăng mạnh trong tuần trước, ghi nhận ở mức 44 triệu USD, tăng gấp đôi so với tuần trước đó. Cụ thể, dòng vốn tích cực tăng mạnh là do lực cầu gia tăng trên Fubon FTSE Vietnam ETF (38 triệu USD) và VanEck Vietnam ETF (6 triệu USD). Đáng chú ý, dòng tiền tại Việt Nam tiếp tục lan rộng trên các ETF chủ đạo. Do vậy, dòng vốn tích cực được kỳ vọng duy trì trong tuần này.

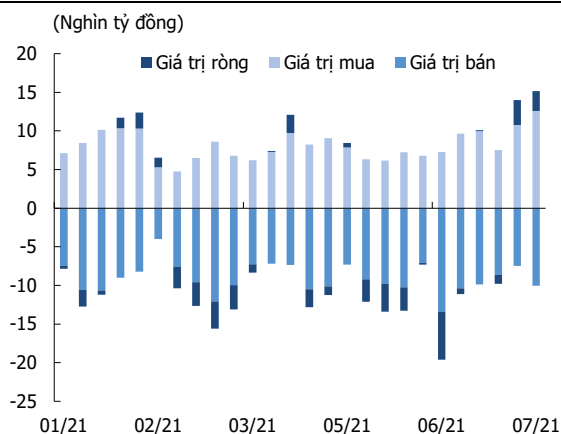
Bảng 1. Dòng vốn ròng ETF vào Việt Nam

Tên quỹ	Loại hình	Tổng AUM (tr.USD)	NAV/CP (USD)	Giá (USD)	% tuần	% Premium	Dòng vốn ròng (tr.USD)			
							1W	1M	6M	1Y
X FTSE VIETNAM SWAP	Swap ETF	446.3	43.9	43.0	(1.6)	(1.9)	(1.7)	(2.2)	(13.4)	46.5
VFMVN30 ETF FUND	ETF	295.6	1.1	1.1	(0.4)	1.4	0.0	11.6	(33.7)	(22.5)
VANECK VIETNAM ETF	ETF	546.3	19.7	19.9	(2.2)	1.1	6.1	6.1	21.7	51.1
SSIAM VNX50 ETF	ETF	13.5	1.0	0.9	(6.7)	(5.8)	0.0	0.0	0.0	0.0
PREMIA MSCI VIETNAM	ETF	28.1	13.2	12.7	(2.8)	(3.5)	0.3	1.0	(3.5)	(2.2)
SSIAM VNFN LEAD	ETF	128.0	1.0	1.0	0.0	1.3	(0.5)	0.5	27.2	37.2
VFMVN DIAMOND ETF	ETF	608.0	1.1	1.1	0.2	(0.1)	1.0	7.8	137.9	260.3
VINACAPITAL VN100	ETF	4.3	0.8	0.8	(2.8)	(1.3)	0.0	0.0	(0.7)	(0.3)
SSIAM VN30 ETF	ETF	3.6	0.8	0.8	(3.9)	(1.9)	0.0	(0.2)	(0.2)	(0.6)
MAFM VN30 ETF	ETF	34.8	0.6	0.8	(9.0)	23.4	0.8	1.6	4.9	4.9
FUBON FTSE VIETNAM ETF	ETF	410.0	0.6	0.6	(2.6)	2.6	38.3	36.6	182.8	182.8

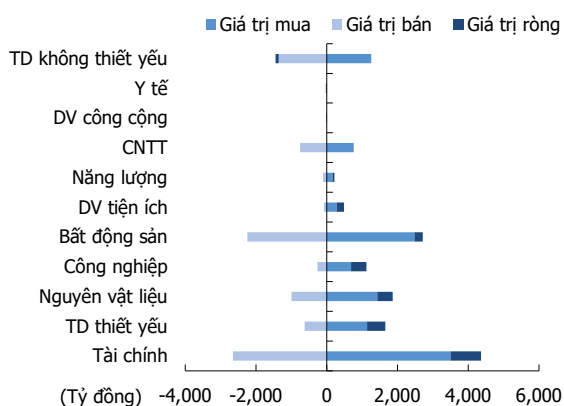
Nguồn: Bloomberg, KIS

Đăng Lê

dang.lh@kisvn.vn

Hình 1. Diễn biến giao dịch khối ngoại

Nguồn: FiinPro, KIS

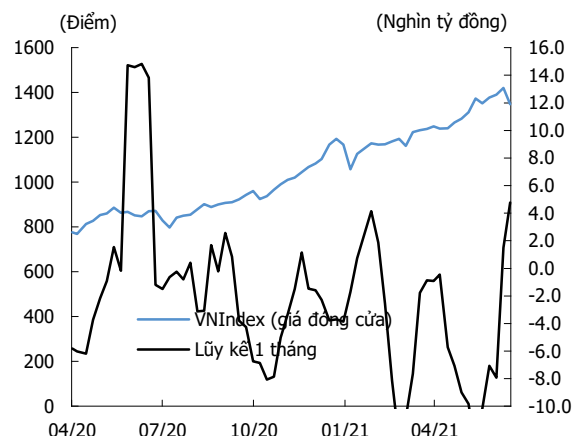
Hình 3. Thống kê mua/bán ròng theo ngành

Nguồn: Bloomberg, FiinPro, KIS

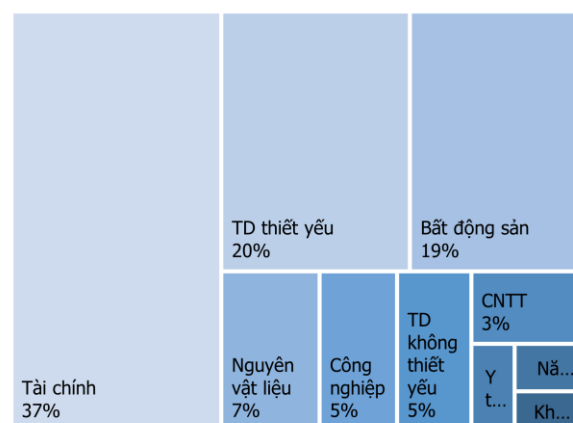
Bảng 2. Top 10 CP mua ròng

(đồng, %tuần, triệu USD)

Mã	Ngành	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
MBB	Tài chính	30,998	(3.7)	976.4	141.0	835.4
VHM	Bất động sản	112,500	(4.7)	914.5	187.2	727.4
HPG	Nguyên vật liệu	47,300	(9.6)	1141.4	822.1	319.4
STB	Tài chính	29,100	(7.6)	395.7	90.1	305.6
MSN	TD thiết yếu	116,900	2.6	402.8	107.7	295.1
GEX	Công nghiệp	22,700	(0.4)	324.4	50.2	274.1
VCB	Tài chính	109,800	(4.4)	622.3	433.8	188.5
VNM	TD thiết yếu	87,000	(3.4)	437.4	256.0	181.4
GAS	DV tiện ích	91,700	(5.1)	229.8	52.4	177.4
HDB	Tài chính	35,000	(5.9)	201.4	36.3	165.0

Nguồn: FiinPro, KIS
Dữ liệu từ ngày 05-09/07/2021**Hình 2. VNIIndex & dòng vốn ngoại tích lũy 1T**

Nguồn: FiinPro, KIS

Hình 4. Tỷ lệ nước ngoài nắm giữ theo ngành

Nguồn: Bloomberg, FiinPro, KIS

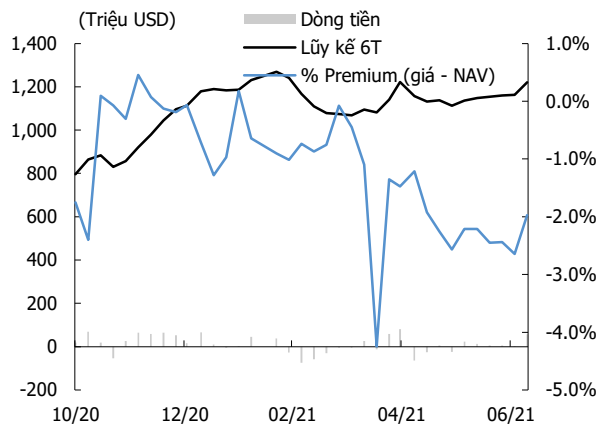
Bảng 3. Top 10 CP bán ròng

(đồng, %tuần, triệu USD)

Mã	Ngành	Giá	%	Mua	Bán	Ròng
NVL	Bất động sản	103,500	(13.0)	405.7	1175.9	(770.2)
VPB	Tài chính	68,800	(4.6)	0.0	282.5	(282.5)
CTG	Tài chính	37,600	(7.9)	320.6	571.1	(250.5)
E1VFN 30		25,490	(2.7)	338.1	531.5	(193.3)
VND	Tài chính	41,800	(13.6)	46.4	205.1	(158.7)
VRE	Bất động sản	28,000	(11.7)	166.6	231.1	(64.5)
BVH	Tài chính	53,100	(10.2)	32.8	81.2	(48.4)
VCI	Tài chính	55,000	(5.5)	57.5	103.7	(46.1)
FRT	TD không thiết yếu	29,100	5.8	4.2	36.7	(32.5)
FIT	Tài chính	16,650	(4.9)	1.5	33.9	(32.3)

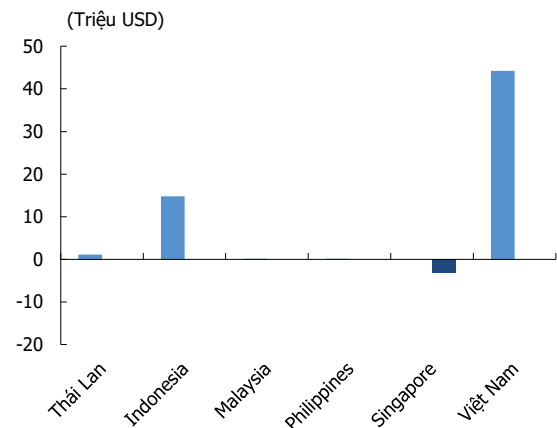
Nguồn: FiinPro, KIS
Dữ liệu từ ngày 05-09/07/2021

Hình 5. Dòng vốn ETF tại Đông Nam Á trong tuần



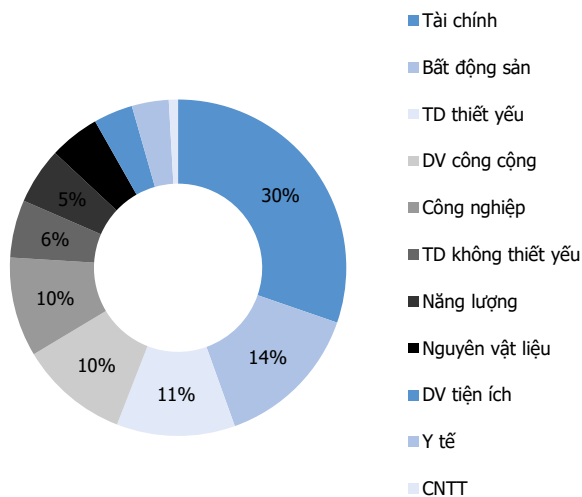
Nguồn: Bloomberg.
 Chú thích: Đông Nam Á bao gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam

Hình 6. Dòng vốn ETF theo quốc gia trong tuần



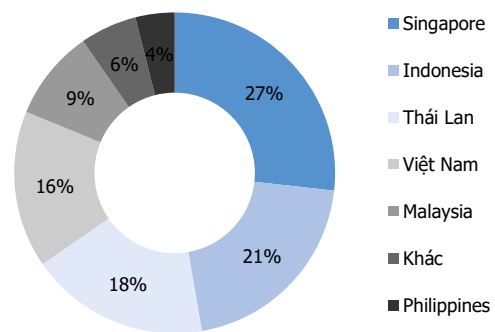
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 7. ETF tập trung theo ngành



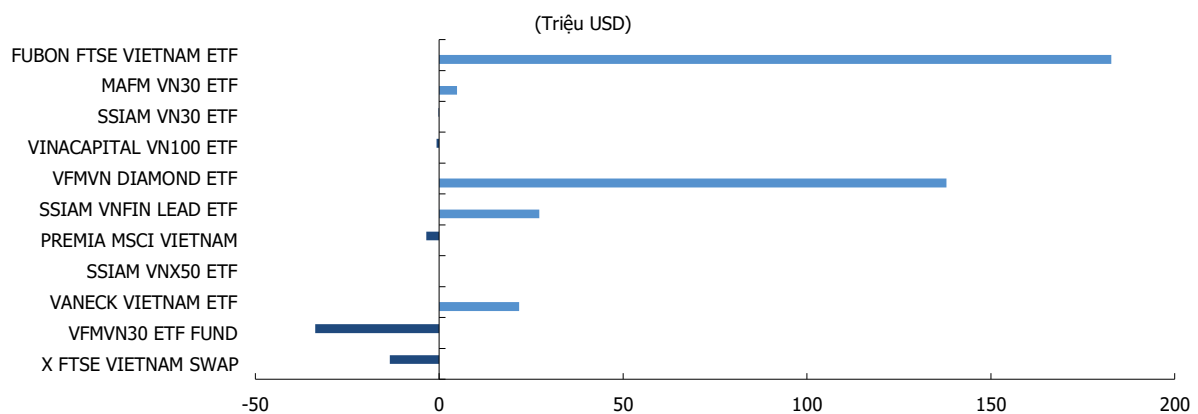
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 8. ETF tập trung theo quốc gia



Nguồn: Bloomberg, KIS

Figure 9. Dòng vốn ròng ETF vào Việt Nam (6 tháng)



Source: Bloomberg, KIS

Bảng 4. Các quỹ ETF đầu tư vào thị trường Đông Nam Á

(triệu USD)

STT	Mã	Tên quỹ	Tổng AUM	Thị trường chủ yếu
1	2810 HK Equity	Premia Dow Jones Emerging Asea	36	Các nước ASEAN
2	9810 HK Equity	Premia Dow Jones Emerging Asea	36	Các nước ASEAN
3	ASEA US Equity	Global X FTSE Southeast Asia E	33	Các nước ASEAN
4	ASEAN SP Equity	CIMB FTSE ASEAN 40	8	Các nước ASEAN
5	3099 HK Equity	Xtrackers MSCI Indonesia Swap	89	Indonesia
6	EIDO US Equity	iShares MSCI Indonesia ETF	344	Indonesia
7	H4ZT GR Equity	HSBC MSCI INDONESIA UCITS ETF	43	Indonesia
8	IDX US Equity	VanEck Vectors Indonesia Index	32	Indonesia
9	INDO FP Equity	Lyxor MSCI Indonesia UCITS ETF	31	Indonesia
10	R/LQ45X IJ Equity	Premier ETF LQ-45	147	Indonesia
11	XIIC IJ Equity	Premier ETF Indonesia Consumer	1	Indonesia
12	XIIF IJ Equity	Premier ETF Indonesia Financia	6	Indonesia
13	XIIT IJ Equity	Premier ETF IDX30	155	Indonesia
14	XJI IJ Equity	Premier ETF Syariah JII	1	Indonesia
15	XISC IJ Equity	Premier ETF Indonesia State-Ow	42	Indonesia
16	XISI IJ Equity	Premier ETF SMINFRA18	5	Indonesia
17	XISR IJ Equity	Premier ETF Sri Kehati	30	Indonesia
18	XMID LN Equity	Xtrackers MSCI Indonesia Swap	89	Indonesia
19	XPDV IJ Equity	Pinnacle CORE High Dividend ET	0	Indonesia
20	XPLC IJ Equity	Pinnacle Indonesia Large-Cap E	1	Indonesia
21	XPLQ IJ Equity	Pinnacle Enhanced Liquid ETF	3	Indonesia
22	1560 JP Equity	NEXT FUNDS FTSE Bursa Malaysia	4	Malaysia
23	3082 HK Equity	Xtrackers MSCI Malaysia UCITS	41	Malaysia
24	EWM US Equity	iShares MSCI Malaysia ETF	239	Malaysia
25	FBM30 MK Equity	FTSE BURSA MALAYSIA KLCI ETF F	1	Malaysia
26	H4ZV GR Equity	HSBC MSCI MALAYSIA UCITS ETF	5	Malaysia
27	MAL FP Equity	Lyxor MSCI Malaysia UCITS ETF	15	Malaysia
28	XCS3 GR Equity	Xtrackers MSCI Malaysia UCITS	41	Malaysia
29	3016 HK Equity	Xtrackers MSCI Philippines UCI	29	Philippines
30	EPHE US Equity	iShares MSCI Philippines ETF	123	Philippines
31	FMETF PM Equity	First Metro Philippine Equity	42	Philippines
32	XPQP GR Equity	Xtrackers MSCI Philippines UCI	29	Philippines
33	3065 HK Equity	Xtrackers MSCI Singapore UCITS	49	Singapore
34	316300 KS Equity	KIM KINDEX Singapore REITs ETF	11	Singapore
35	342140 KS Equity	KIM KINDEX Morningstar Singapo	9	Singapore
36	DBSSTI SP Equity	Nikko AM Singapore STI ETF	26	Singapore
37	EWS US Equity	iShares MSCI Singapore ETF	671	Singapore
38	SINGINC SP Equity	Phillip SING Income ETF	49	Singapore
39	SREITS SP Equity	Lion-Phillip S-REIT ETF	169	Singapore
40	STTF SP Equity	SPDR Straits Times Index ETF	1,231	Singapore
41	XBAS GR Equity	Xtrackers MSCI Singapore UCITS	49	Singapore
42	1559 JP Equity	NEXT FUNDS Thai Equity SET50 E	5	Thái Lan
43	1DIV TB Equity	ThaiDEX SET High Dividend ETF	5	Thái Lan
44	3092 HK Equity	Xtrackers MSCI Thailand UCITS	71	Thái Lan
45	BMSCG TB Equity	BCAP Mid Small CG ETF	13	Thái Lan
46	BSET100 TB Equity	BCAP SET100 ETF	40	Thái Lan
47	BMSCITH TB Equity	BCAP MSCI Thailand ETF	40	Thái Lan
48	EBANK TB Equity	KTAM SET Banking ETF Tracker	2	Thái Lan
49	ECOMM TB Equity	KTAM SET Commerce ETF Tracker	1	Thái Lan
50	EFOOD TB Equity	KTAM SET Food and Beverage ETF	0	Thái Lan
51	EICT TB Equity	KTAM SET ICT ETF Tracker	0	Thái Lan
52	ENGY TB Equity	MTrack Energy ETF	3	Thái Lan
53	ENY TB Equity	KTAM SET Energy ETF Tracker	2	Thái Lan
54	ESET50 TB Equity	KTAM SET50 ETF Tracker	0	Thái Lan
55	TDEX TB Equity	ThaiDEX SET50 ETF	108	Thái Lan
56	TH100 TB Equity	ThaiDEX SET100 ETF	0	Thái Lan
57	THA FP Equity	Lyxor MSCI Thailand UCITS ETF	17	Thái Lan
58	THD US Equity	iShares MSCI Thailand ETF	379	Thái Lan

59	XCS4 GR Equity	Xtrackers MSCI Thailand UCITS	71	Thái Lan
60	2804 HK Equity	Premia MSCI Vietnam ETF	28	Việt Nam
61	E1VFN30 VN Equity	VFMVN30 ETF Fund	296	Việt Nam
62	FUESSV50 VN Equity	SSIAM VNX50 ETF	14	Việt Nam
63	VNM US Equity	VanEck Vectors Vietnam ETF	546	Việt Nam
64	XFVT GR Equity	Xtrackers FTSE Vietnam Swap UC	446	Việt Nam
65	FUESSVFL VN Equity	SSIAM VNFIN LEAD ETF	128	Việt Nam
66	FUEVFN30 VN Equity	VFMVN DIAMOND ETF	608	Việt Nam
67	FUEVN100 VN Equity	VINACAPITAL VN100 ETF	4.3	Việt Nam
68	FUESSV30 VN Equity	SSIAM VN30 ETF	3.6	Việt Nam
69	FUEMAV30 VN Equity	MAFM VN30 ETF	34.8	Vietnam
70	00885 TT Equity	FUBON FTSE VIETNAM ETF	410	Vietnam

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2021 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.